

Bản án số: **38/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-3-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Ông Nguyễn Lương Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 761/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quân K, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Trần Đình D, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quân K trình bày: Bà và ông Trần Đình D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn năm 2022 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng ngày càng xảy ra cãi vã, đã rất nhiều lần hai vợ chồng đã ngồi lại để tìm cách giải quyết nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tôn trọng nhau, từ đó cuộc sống ai

người đó lo, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Quân K yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đình D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quân K và ông Trần Đình D có 03 con chung là Trần Đình H, sinh ngày: 12/6/2000; Trần Nhật H1, sinh ngày: 02/4/2003 và Trần Ngọc Kỳ D1, sinh ngày: 02/11/2016. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Quân K yêu cầu được nuôi con chung là Trần Ngọc Kỳ D1 và không yêu cầu ông Trần Đình D cấp dưỡng nuôi con; con chung Trần Đình H, Trần Nhật H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Quân K trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Quân K trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đình D được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Trần Đình D vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông Trần Đình D đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quân K.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho cho bà Nguyễn Thị Quân K được ly hôn với ông Trần Đình D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quân K và ông Trần Đình D có 03 con chung tên Trần Đình H, sinh ngày: 12/6/2000; Trần Nhật H1, sinh ngày: 02/4/2003 và Trần Ngọc Kỳ D1, sinh ngày: 02/11/2016. Bà Kiều M nuôi con chung là Trần Ngọc K1 Duyên nên nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung là Trần Ngọc K1 Duyên cho bà Nguyễn Thị Quân K cấp dưỡng nuôi con, con chung Trần Đình H, Trần Đình D đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị không giải quyết. Bà K không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Quân K trình bày không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung bà Nguyễn Thị Quân K trình bày không có, ông Trần Đình D không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Quân K khởi kiện ông Trần Đình D về việc Ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung.

Do đó, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Trần Đình D có nơi cư trú tại tổ C, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Quân K khởi kiện ông Trần Đình D, nên xác định bà K là nguyên đơn, ông D là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Quân K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Trần Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Quân K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông Trần Đình D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Quân K và ông Trần Đình D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quân K, nhận thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng ngày càng xảy ra cãi vã, đã rất nhiều lần hai vợ chồng đã ngồi lại để tìm cách giải quyết nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tôn trọng nhau, từ đó cuộc sống ai người đó lo, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Quân K yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đình D.

Tại Biên bản xác minh ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại ấp T, xã X (bút lục số 31) thể hiện ông D hiện nay đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân hiện nay bà Nguyễn Thị Quân K và ông Trần Đình D như thế nào thì ban áp không nắm rõ. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Đình D đến tham gia các buổi làm việc, xét xử nhưng ông D vắng mặt không có lý do chính đáng. Thấy rằng, bà K cương quyết xin ly hôn nhưng ông D không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mặc dù Tòa án đã cho thời gian để ông D và bà K đoàn tụ vợ chồng nhưng ông D không đến Tòa án để làm việc và cũng thờ ơ về việc bà K xin ly hôn với ông nên không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà K và ông D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quân K và ông Trần Đình D có 03 con chung là Trần Đình H, sinh ngày: 12/6/2000; Trần Nhật H1, sinh ngày: 02/4/2003 và Trần Ngọc Kỳ D1, sinh ngày: 02/11/2016. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Quân K yêu cầu được nuôi con chung là Trần Ngọc Kỳ D1. Xét thấy, cháu Trần Ngọc Kỳ

D1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên giao cháu Trần Ngọc K1 D1 cho bà Kiều tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Con chung Trần Đình H và Trần Nhật H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Quân K tạm thời không yêu cầu ông Trần Đình D cấp dưỡng nuôi con để nuôi cháu Trần Ngọc Kỳ D1. Ông Trần Đình D không có lời khai về con chung và về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Quân K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Quân K trình bày không có. Ông Trần Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quân K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Quân K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Quân K được ly hôn với ông Trần Đình D.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2022, ngày 11 tháng 8 năm 2022 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quân K và ông Trần Đình D có 03 con chung là Trần Đình H, sinh ngày: 12/6/2000; Trần Nhật H1, sinh ngày: 02/4/2003 và Trần Ngọc Kỳ D1, sinh ngày: 02/11/2016.

Giao con chung là cháu Trần Ngọc K1 D1 cho mẹ là bà Nguyễn Thị Quân K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Còn con chung Trần Đình H và Trần Nhật H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng

lao động nên Tòa án không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời bà Nguyễn Thị Quân K không yêu cầu ông Trần Đình D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Trần Đình D được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quân K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Quân K đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011697 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Bà Nguyễn Thị Quân K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Quân K, ông Trần Đình D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải